

Bản án số: 121/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2026

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Khắc Di

2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 337/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên phiên tòa các số 845/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2025, số 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15/1/2026, số 40/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Phan Hoàng N, sinh ngày 16/8/1980. Căn cước công dân số 079180030205 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/11/2021. Thường trú: 125 P, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: 72 Q, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Bà N có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Trọng N1, sinh ngày 17/7/1980. Căn cước công dân số 079080004459 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/4/2023. Thường trú: 72 Q, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ nơi ở hiện nay: 108 P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Lê Phan Hoàng N trình bày:

Bà Lê Phan Hoàng N và ông Trần Trọng N1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2000, quyền số 01/P12, cấp ngày

27/9/2000. Quá trình chung sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, N nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không tìm thấy sự chia sẻ trong cuộc sống. Thời gian trước đây ông N1 gây nợ nần bên ngoài, nhiều lần bà N phải trả nợ thay cho ông N1. Bà N đã cho ông N1 rất nhiều cơ hội nhưng cả hai vẫn không thể hàn gắn, do mâu thuẫn quá trầm trọng nên từ cuối năm 2023 hai bên đã sống ly thân. Khoảng năm 2024, bà đã nộp đơn ly hôn với ông N1 nhưng sau đó bà đã rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ cùng lo cho các con. Tuy nhiên kể từ khi bà rút đơn ly hôn hai bên vẫn sống ly thân, các mâu thuẫn không thể giải quyết được. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện xin ly hôn với ông N1 để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà N và ông N1 có 2 con chung là Trần Nguyên P, sinh ngày 14/02/2001 và Trần Nguyên N2, sinh ngày 17/8/2008. Ly hôn con chung Trần Nguyên P đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà N yêu cầu giao con chung Trần Nguyên N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có.

Bị đơn - Ông Trần Trọng N1 trình bày:

Về hôn nhân, ông N1 xác nhận có đăng ký kết hôn với bà Lê Phan Hoàng N tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2000, quyền số 01/P12, cấp ngày 27/9/2000.

Quá trình chung sống, vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn, ông thừa nhận thời gian trước đây ông có gây nợ nần ở bên ngoài và bà N đã nhiều lần trả nợ thay cho ông, ông cũng có quan hệ với người khác, không quan tâm gia đình khiến tình cảm vợ chồng dần trở nên lạnh nhạt nhưng sau đó ông đã biết lỗi, ông đã tu chí làm ăn, đã trả hết nợ nần bên ngoài. Ông cũng xác nhận hai bên đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không quan tâm cuộc sống của nhau nhưng các con vẫn cần có cha và mẹ để trưởng thành và sau này khi kết hôn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Nguyên P, sinh ngày 14/02/2001 - Đã thành niên và Trần Nguyên Ngọc, sinh ngày 17/8/2008. Nếu phải ly hôn ông đồng ý giao trẻ N2 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác nhận không có tài sản chung, nợ chung với bà N.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông N1. Về con chung: có 02 con chung là Trần Nguyên P, sinh ngày 14/02/2001, đã thành niên và Trần Nguyên N2, sinh ngày 17/8/2008, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nguyên N2, bà không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trần Trọng N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng ông N1 vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Thực hiện tổng đạt các quyết định cho các bên đương sự đầy đủ. Thẩm phán thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2000, quyền số 01/P12, cấp ngày 27/9/2000 thì quan hệ hôn nhân của bà N, ông N1 là hợp pháp. Nhận thấy hai bên đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, các mâu thuẫn vẫn không thể giải quyết được, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của N đơn được ly hôn với ông N1. Đề nghị công nhận sự thỏa thuận về con chung: có 2 con chung là Trần Nguyên P, sinh ngày 14/02/2001, đã thành niên và Trần Nguyên N2, sinh ngày 17/8/2008, giao con chung Trần Nguyên N2 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông N1 xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà Lê Phan Hoàng N có đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông Trần Trọng N1, hiện đang cư trú tại địa chỉ 108 P, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Nguyên đơn bà N có mặt. Bị đơn ông N1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo qui định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2000, quyền số 01/P12 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B cấp ngày 27/9/2000 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Phan Hoàng N và ông Trần Trọng N1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Phan Hoàng N: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà N và ông N1 đều xác nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông N1 không quan tâm đến gia đình, hai

bên cũng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà N vẫn kiên quyết ly hôn với ông N1 để ổn định cuộc sống, phía ông N1 ông không đồng ý ly hôn vì theo ông các con cần có cha và mẹ để trưởng thành tuy nhiên tại các phiên hòa giải ông N1 vẫn không đưa ra được phương án để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông N1 kéo dài từ năm 2023 đến nay mà không thể giải quyết được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà N và ông N1 có 02 con chung là Trần Nguyên P, sinh ngày 14/02/2001, đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Nguyên N2, sinh ngày 17/8/2008, bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N2. Hội đồng xét xử xét thấy con chung Trần Nguyên N2 hiện đang sinh sống cùng bà N và có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Tại phiên hòa giải ông N1 cũng đồng ý sẽ giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, giao con chung Trần Nguyên N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông N1 do bà N không có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông N1 xác nhận không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Lê Phan Hoàng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được căn trừ vào tạm ứng án phí do bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018994 ngày 22/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn bà Lê Phan Hoàng N:

- Về hôn nhân: Bà Lê Phan Hoàng N được ly hôn với ông Trần Trọng N1.

- Về con chung: Bà N và ông N có 02 con chung là Trần Nguyên P, sinh ngày 14/02/2001, đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Nguyên N2, sinh ngày 17/8/2008. Giao bà Lê Phan Hoàng N trực tiếp nuôi

dưỡng con chung Trần Nguyên N2. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông N1 do bà N không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà N và ông N1 xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà N và ông N1 xác nhận không có.

2. Về án phí: Bà Lê Phan Hoàng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được căn trừ vào tạm ứng án phí do bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018994 ngày 22/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4-TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 4-TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thụy Hồng Châu